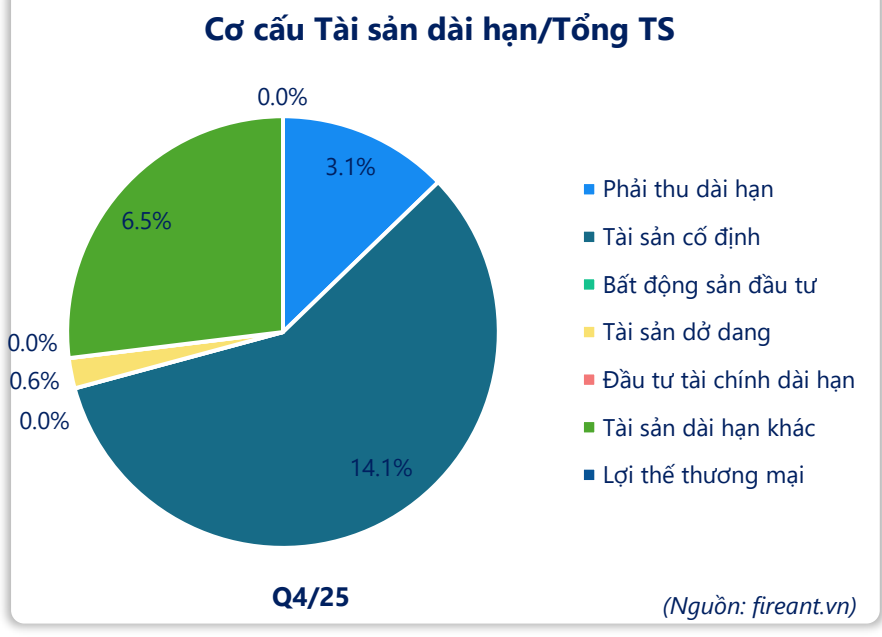
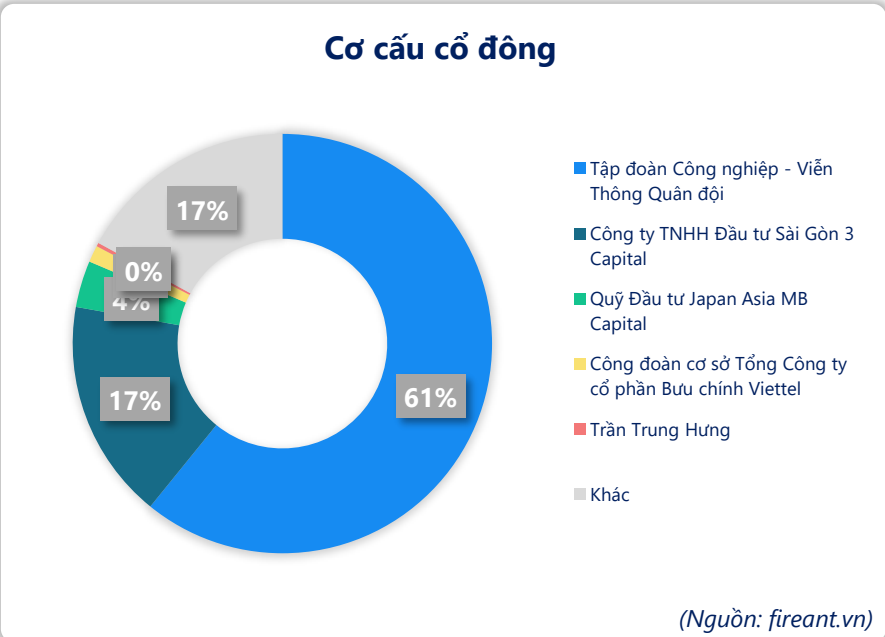
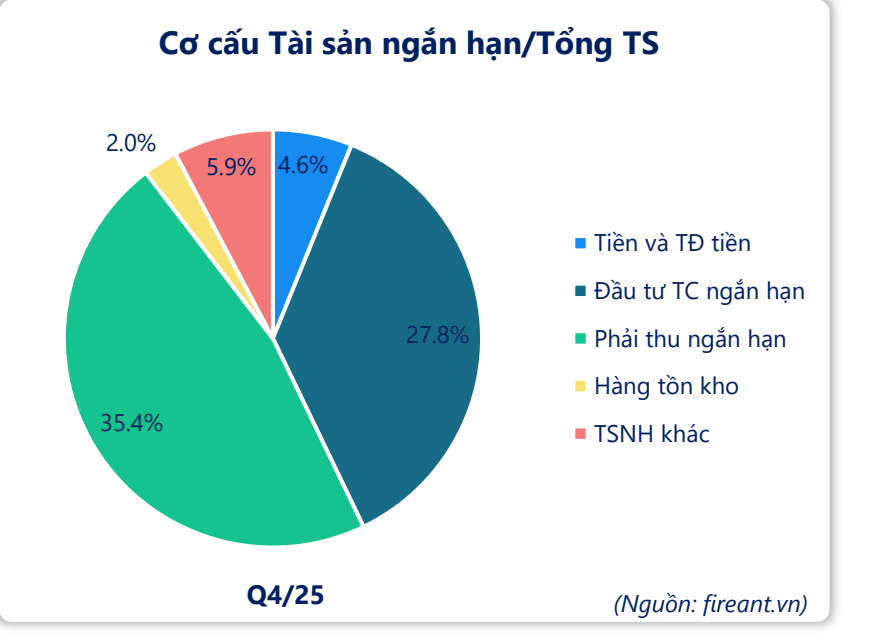
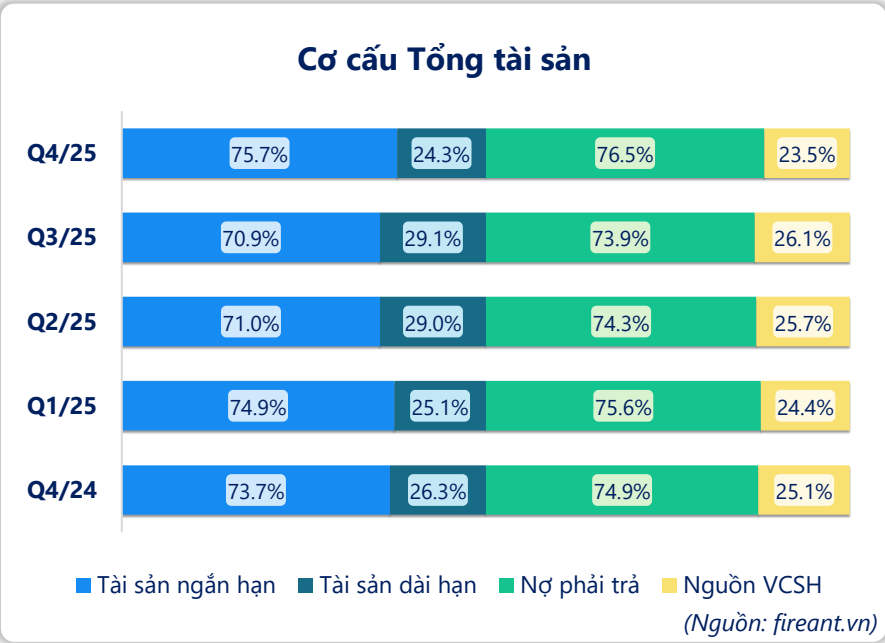
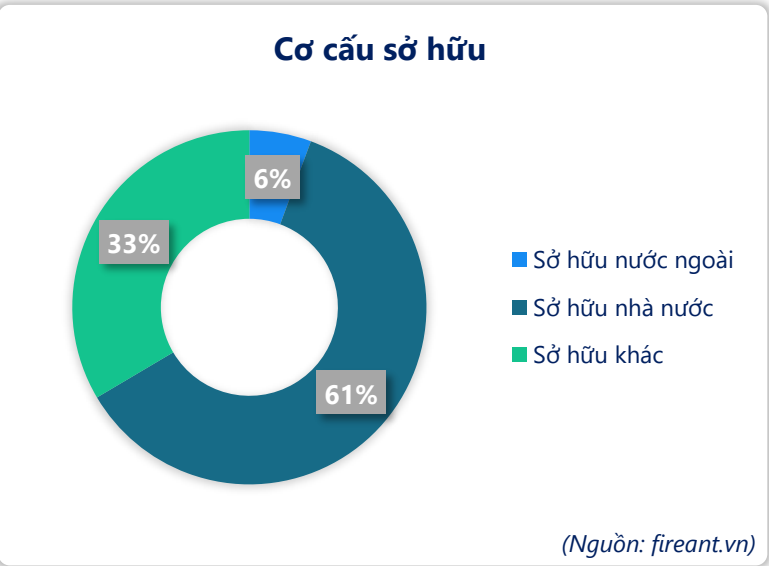
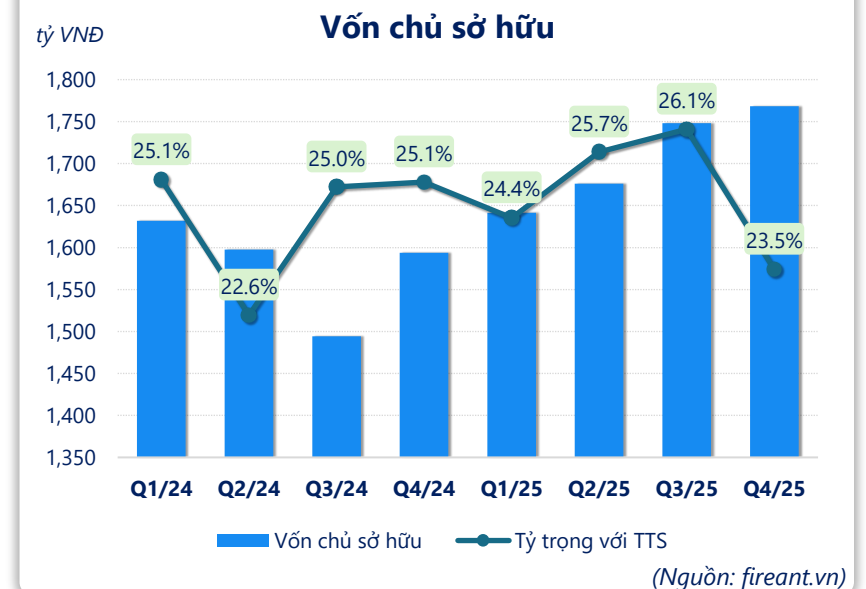
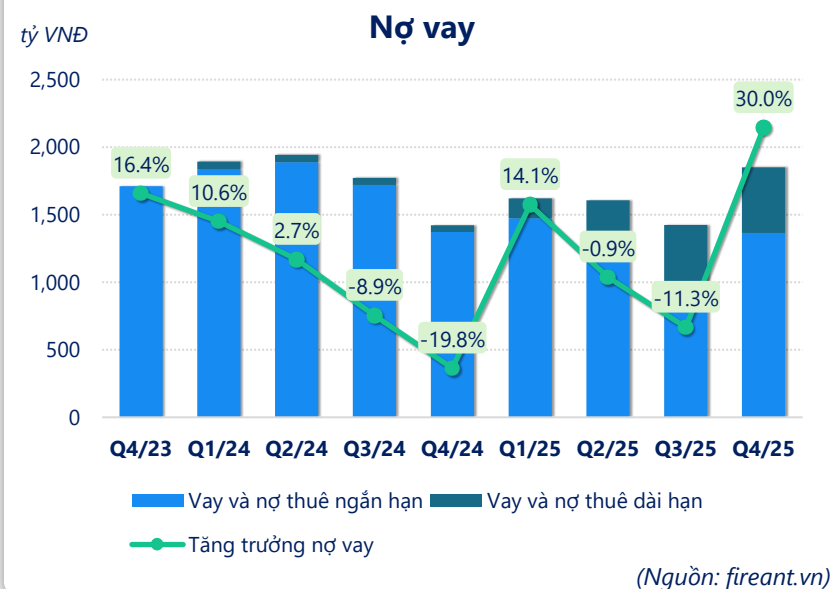
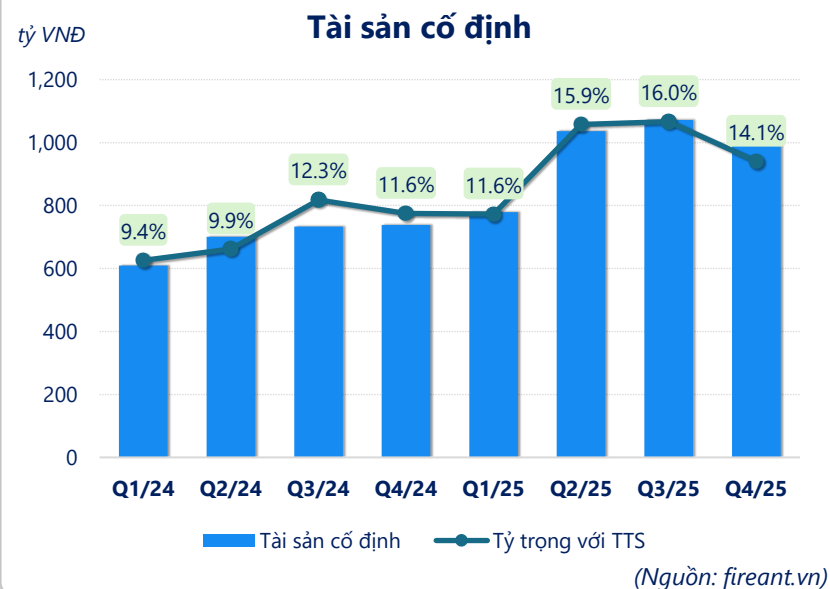
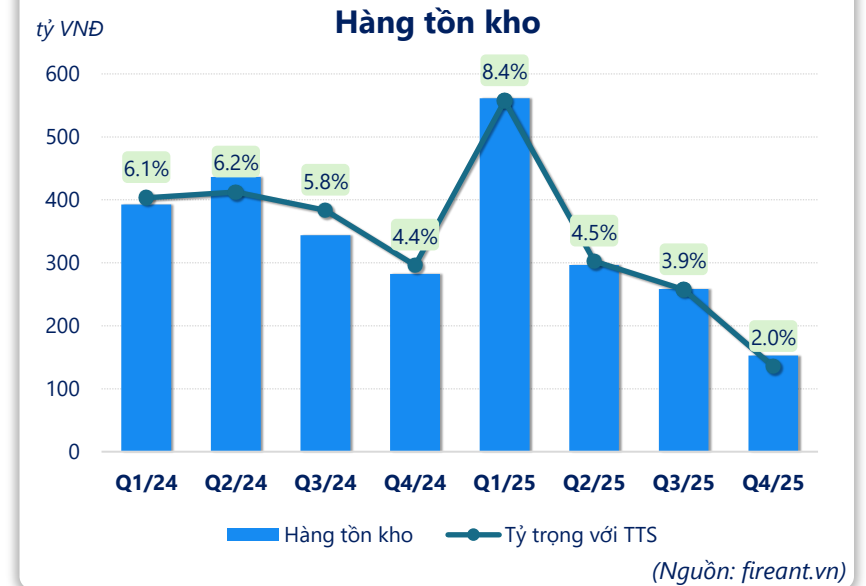
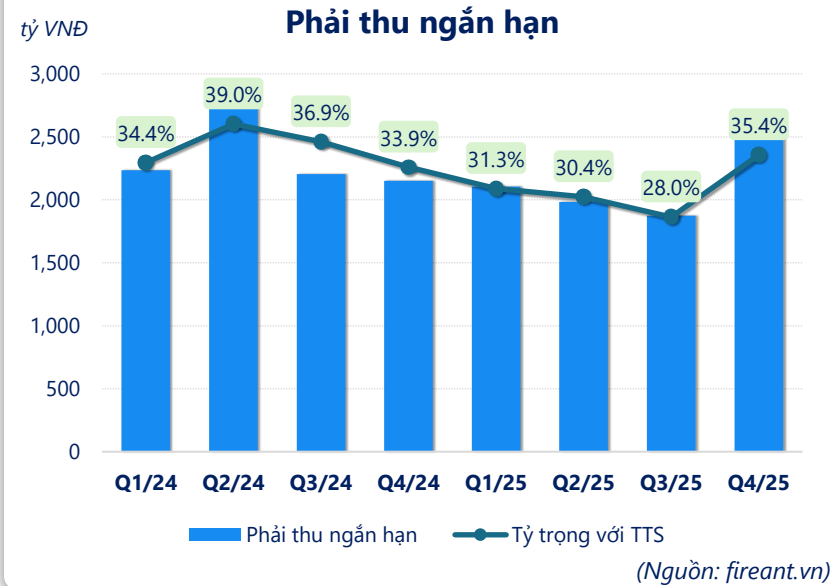
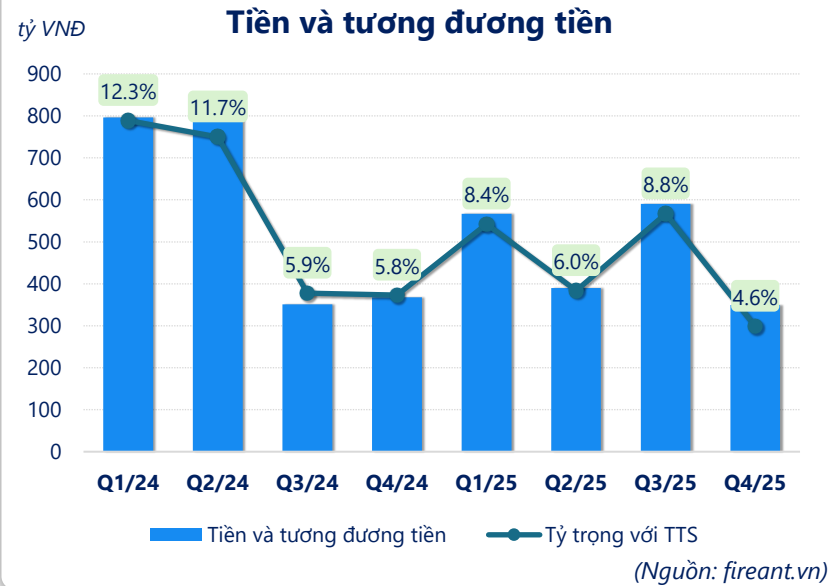
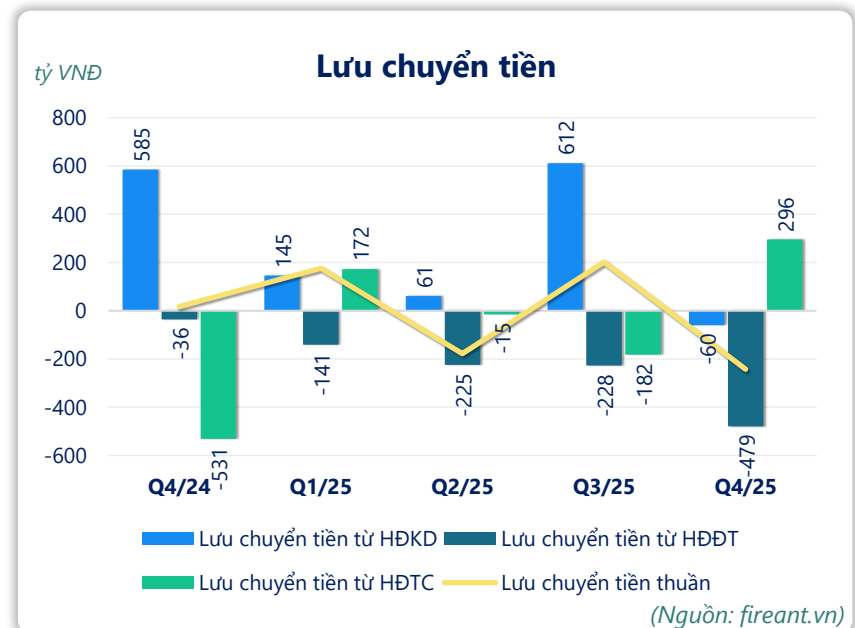
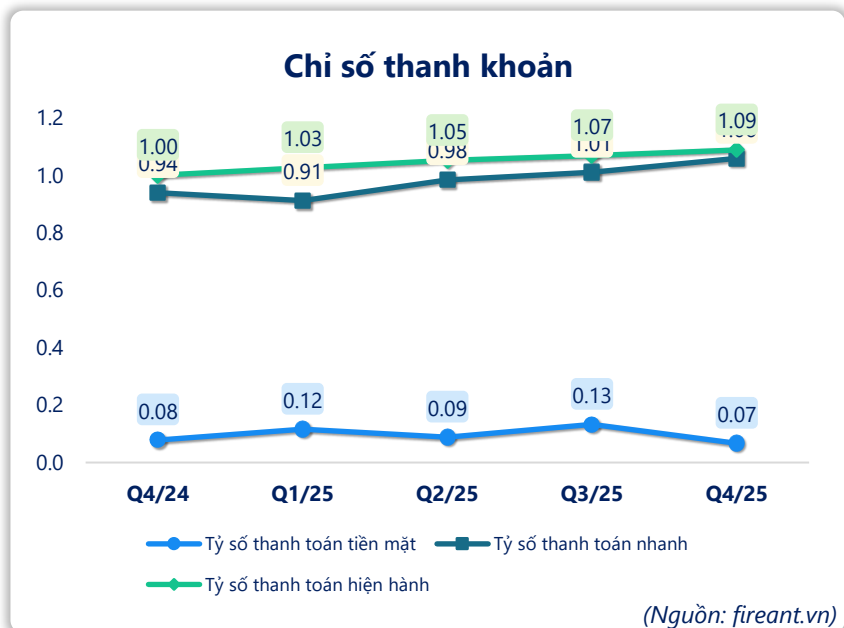
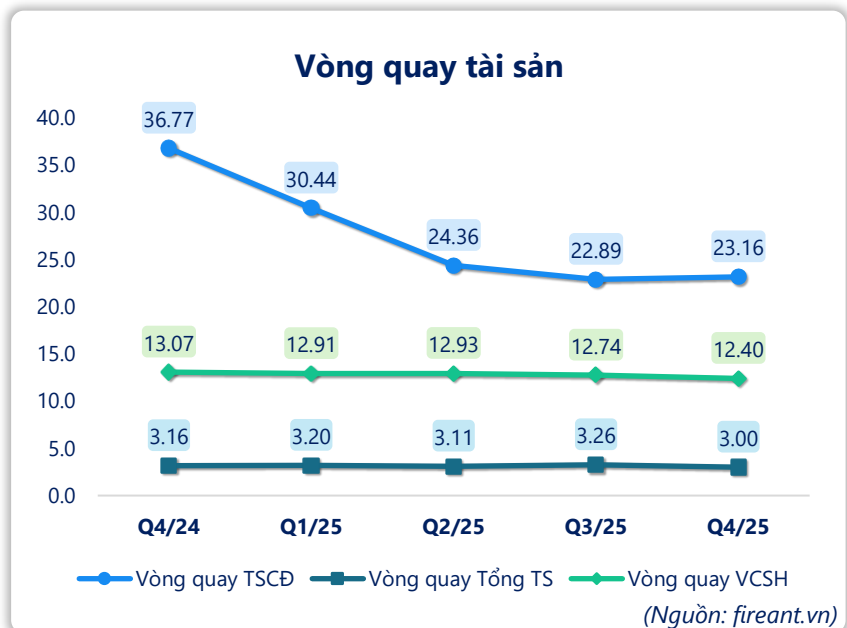
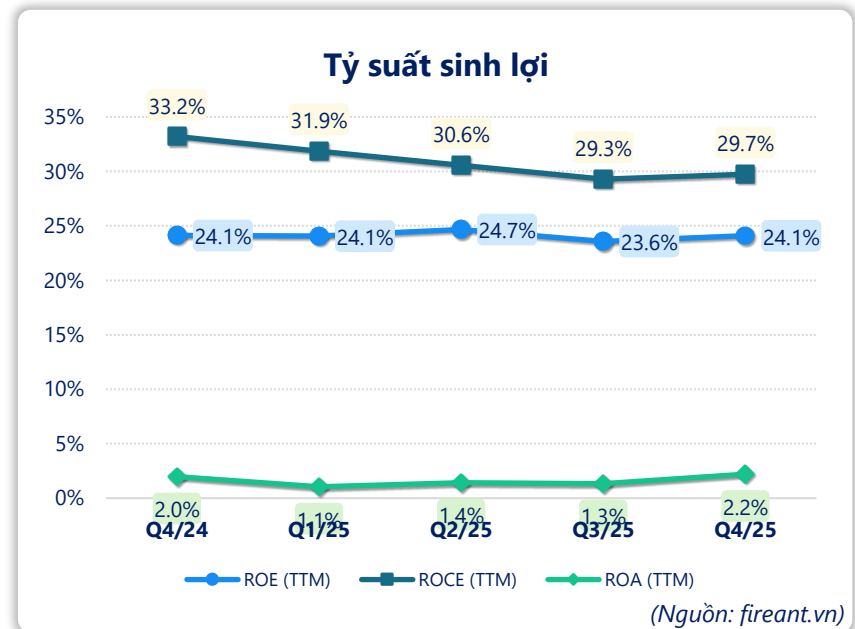
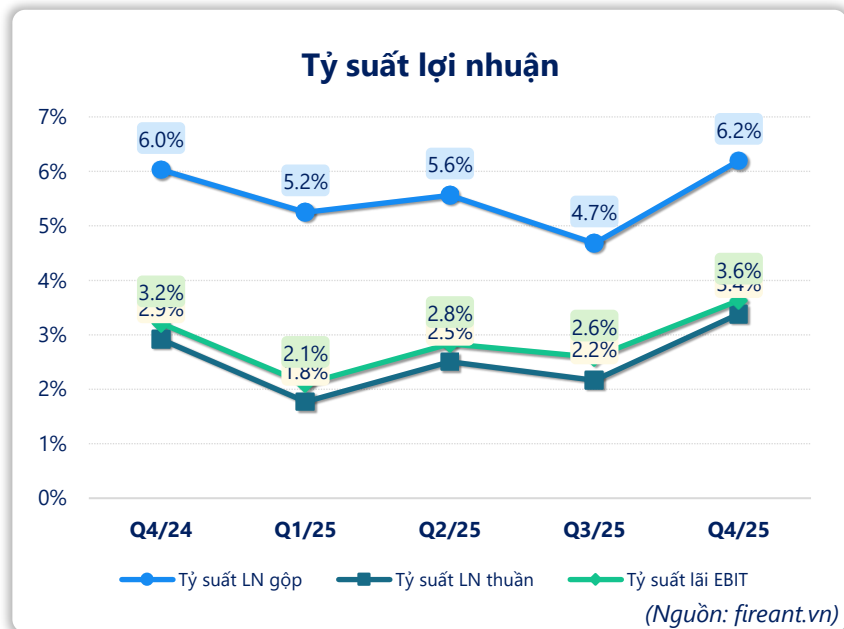
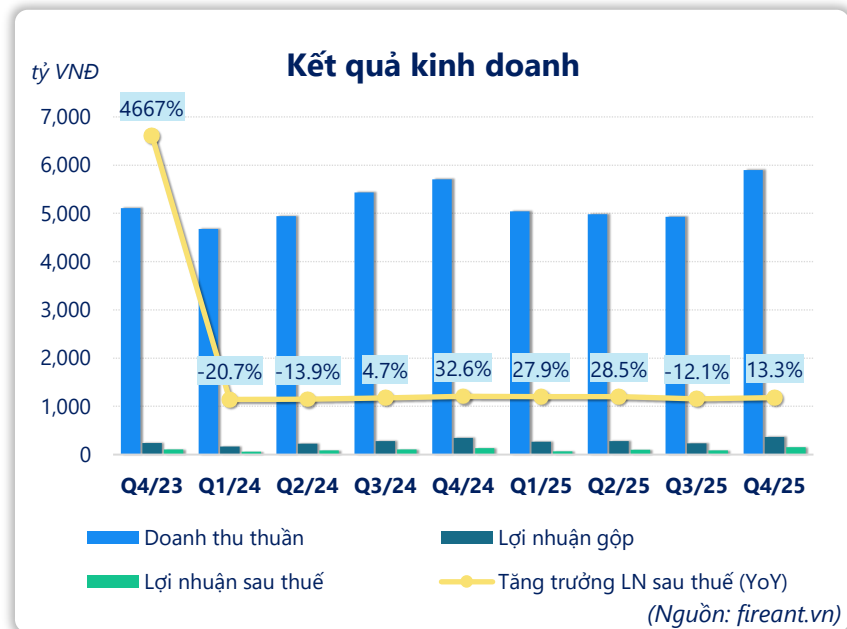


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		98,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		168,098
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		94,600
SL cổ phiếu LH		121,783,042
KLGD BQ 20 phiên (CP)		440,725
% sở hữu nước ngoài		5.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		12,032
P/E		29.7
EPS		3,325

	YTD	1T	3T	6T
VTP	-30.6%	-2.0%	3.5%	-16.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,529	6,364	18.3%
Tài sản ngắn hạn	5,698	4,728	20.5%
Tiền và tương đương tiền	350	390	-10.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,093	1,430	46.3%
Phải thu ngắn hạn	2,663	2,157	23.4%
Hàng tồn kho	153	279	-45.3%
Tài sản ngắn hạn khác	441	472	-6.6%
Tài sản dài hạn	1,831	1,635	12.0%
Phải thu dài hạn	234	346	-32.5%
Tài sản cố định	1,062	745	42.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	41.6	75.0	-44.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	30.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	493	439	12.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,761	4,775	20.6%
Nợ ngắn hạn	5,238	4,676	12.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,364	1,376	-0.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	857	661	29.7%
Nợ dài hạn	523	99.0	428%
Vay và nợ thuê dài hạn	487	72.5	572%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,768	1,588	11.3%
Vốn chủ sở hữu	1,768	1,588	11.3%
Vốn điều lệ	1,218	1,218	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	5,707	5,042	4,981	4,928	5,896
Giá vốn hàng bán	5,363	4,777	4,704	4,698	5,530
Lợi nhuận gộp	344	265	277	231	365
Doanh thu HĐTC	19.3	18.3	22.7	26.0	32.8
Chi phí TC	16.6	18.4	16.5	19.4	24.0
Chi phí lãi vay	16.6	17.2	15.3	18.3	23.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	43.5	26.9	22.0	27.7	49.2
Chi phí QLDN	136	148	136	103	125
LN thuần từ HĐKD	167	89.3	125	107	199
Lợi nhuận khác	0.15	-0.60	0.94	2.37	-8.49
LN trước thuế	167	88.7	126	109	191
Lợi nhuận sau thuế	130	69.3	97.0	85.3	153
LNST của CĐ cty mẹ	130	69.3	97.0	85.3	153

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	585	145	61.4	612	-59.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-36.4	-141	-225	-228	-479
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-531	172	-15.0	-182	296
Tiền đầu kỳ	351	390	566	390	591
Lưu chuyển tiền thuần	17.2	177	-178	202	-243
Ảnh hưởng tỷ giá	0.20	0.05	1.39	-1.06	1.72
Tiền cuối kỳ	368	566	390	591	350

(Nguồn: fireant.vn)